

Số: 27/2023/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 152/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/11/2023, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Dương Hoàng B, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Lưu Thị Bích H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Chung cư P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Dương Hoàng C, sinh ngày 02/4/2018; Nơi cư trú: Chung cư P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu C là anh B, chị H là bố, mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trước khi quen và cưới chị H anh B đã có gia đình và có hai con riêng là cháu Dương Thị Ngọc Á, SN 2002 và cháu Dương Hồng S, SN 2012; HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Anh B và chị H tự do tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên (nay là thị xã M, tỉnh Hưng Yên) ngày 28/3/2016, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại chung cư P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng từ đó phai nhạt dần. Đình điểm đến khoảng tháng 06/2018 anh chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Chị H hiện vẫn sống cùng con ở chung cư P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên anh B đi làm ở Hòa Bình. Thời gian ly thân anh chị không

nói chuyện, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm gì, anh chị chỉ nói chuyện để hỏi han về con cái. Mâu thuẫn của anh chị gia đình hai bên có biết nhưng cũng không can thiệp để vợ chồng anh chị tự quyết định, anh chị cũng đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **B** và chị **H** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh **B** và chị **H** là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh **B** và chị **H**.

[2] Về con chung: Anh **B** và chị **H** thống nhất vợ chồng 01 con chung là cháu tên là **Dương Hoàng C**, sinh ngày 02/4/2018. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu **C** cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng anh **B** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu **C** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **B** và chị **H** không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh **B** và chị **H** thỏa thuận anh **B** nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Dương Hoàng B** và chị **Lưu Thị Bích H**.

1.2 Về con chung: Giao cháu **Dương Hoàng C**, sinh ngày 02/4/2018 chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **B** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu **C** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh **B** được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

*Kể từ ngày chị **Lưu Thị Bích H** có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh **Dương Hoàng B** không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*Vì quyền lợi của con chung anh **B** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.*

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh **Dương Hoàng B** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số số 0000275 ngày 13/11/2023

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh **B** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm lý hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND thị trấn Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 22/2016, ngày 23/8/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê